tế bào 769-P

300106

Dòng tế bào 769-P là một dòng tế bào ung thư thận (RCC) của người, được phân lập từ mẫu phẫu thuật cắt thận của một bệnh nhân nữ 63 tuổi bị ung thư thận dạng tuyến (renal cell adenocarcinoma) vào năm 1975. Dòng tế bào này được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu ung thư thận, đặc biệt là ung thư thận dạng tế bào trong (clear cell renal cell carcinoma - ccRCC), dạng ung thư thận phổ biến và nguy hiểm nhất ở người trưởng thành.
Dòng tế bào 769-P giữ lại nhiều đặc điểm của ung thư thận nguyên phát và chứa nhiều đột biến liên quan đến ung thư thận. Chúng có sự mất chức năng của gen ức chế khối u von Hippel-Lindau (VHL), một gen quan trọng trong ung thư thận tế bào sáng (ccRCC) có thể kích hoạt các con đường ung thư bao gồm tạo mạch máu, tăng sinh tế bào và tái lập trình chuyển hóa.
Dòng tế bào 769-P được sử dụng để hiểu các cơ chế phân tử của quá trình phát triển ung thư thận, đánh giá hiệu quả của các thuốc chống ung thư và nghiên cứu cơ chế kháng thuốc. Các tế bào này đặc biệt hữu ích trong việc nghiên cứu phản ứng với các chất ức chế tyrosine kinase (TKIs), một loại thuốc điều trị đích được sử dụng trong điều trị ung thư thận và các thể của nó.
Dòng tế bào ung thư thận 769-P còn được sử dụng để nghiên cứu vai trò của môi trường vi mô khối u trong ung thư thận và nghiên cứu các quá trình tế bào như apoptosis, điều hòa chu kỳ tế bào và tiềm năng di căn. Khả năng đáp ứng với điều kiện thiếu oxy của chúng khiến chúng phù hợp cho nghiên cứu về cách ccRCC thích nghi và phát triển trong môi trường thiếu oxy bên trong khối u rắn.
Tóm lại, dòng tế bào 769-P và các dòng tế bào RCC khác là công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu ung thư thận, cung cấp những hiểu biết về cơ chế bệnh sinh của ccRCC, hiệu quả thuốc và cơ chế kháng thuốc.

GENERAL INFORMATION

Description

Dòng tế bào 769-P là một dòng tế bào ung thư thận (RCC) của người, được phân lập từ mẫu phẫu thuật cắt thận của một bệnh nhân nữ 63 tuổi bị ung thư thận dạng tuyến (renal cell adenocarcinoma) vào năm 1975. Dòng tế bào này được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu ung thư thận, đặc biệt là ung thư thận dạng tế bào trong (clear cell renal cell carcinoma - ccRCC), dạng ung thư thận phổ biến và nguy hiểm nhất ở người trưởng thành.
Dòng tế bào 769-P giữ lại nhiều đặc điểm của ung thư thận nguyên phát và chứa nhiều đột biến liên quan đến ung thư thận. Chúng có sự mất chức năng của gen ức chế khối u von Hippel-Lindau (VHL), một gen quan trọng trong ung thư thận tế bào sáng (ccRCC) có thể kích hoạt các con đường ung thư bao gồm tạo mạch máu, tăng sinh tế bào và tái lập trình chuyển hóa.
Dòng tế bào 769-P được sử dụng để hiểu các cơ chế phân tử của quá trình phát triển ung thư thận, đánh giá hiệu quả của các thuốc chống ung thư và nghiên cứu cơ chế kháng thuốc. Các tế bào này đặc biệt hữu ích trong việc nghiên cứu phản ứng với các chất ức chế tyrosine kinase (TKIs), một loại thuốc điều trị đích được sử dụng trong điều trị ung thư thận và các thể của nó.
Dòng tế bào ung thư thận 769-P còn được sử dụng để nghiên cứu vai trò của môi trường vi mô khối u trong ung thư thận và nghiên cứu các quá trình tế bào như apoptosis, điều hòa chu kỳ tế bào và tiềm năng di căn. Khả năng đáp ứng với điều kiện thiếu oxy của chúng khiến chúng phù hợp cho nghiên cứu về cách ccRCC thích nghi và phát triển trong môi trường thiếu oxy bên trong khối u rắn.
Tóm lại, dòng tế bào 769-P và các dòng tế bào RCC khác là công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu ung thư thận, cung cấp những hiểu biết về cơ chế bệnh sinh của ccRCC, hiệu quả thuốc và cơ chế kháng thuốc.

Tissue	Thận
Disease	Ung thư tế bào thận

Synonyms

- 769P
- 769-p

CLASSIFICATION

Organism	Human
Sex	Female
Growth properties	Adherent
Biosafety level	1

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB

CHARACTERISTICS

Morphology	Tương tự biểu mô
Tumourigenic	Gây u ở chuột hamster bị ức chế miễn dịch và chuột nude
Ploidy status	Dòng tế bào này có số lượng lớn các tế bào tetra-, hexa- và đa bội cao hơn (dân số 2s). Dân số tế bào phổ biến nhất (chiếm 32% tổng số tế bào) có kiểu nhiễm sắc thể giả lưỡng bội 46,xx,-3,-18,del(7) (q21.12,q22.3), ?t(3q?18q).

Karyotype

Hypodiploid. Số lượng trung bình = 45. Một nhiễm sắc thể submetacentric lớn có mặt trong tất cả các tế bào.

Doubling time	35 giờ

IDENTIFIERS

Citation

769-P (Số catalog Cytion 300106)

NCBI TaxID	9606
Cellosaurus	CVCL_1050

HANDLING AND CULTURE

Culture medium

RPMI 1640, chứa: 2,0 mM glutamine ổn định, chứa: 2,0 g/L $NaHCO_3$ (Số hiệu sản phẩm Cytion 820700a)

Incubation atmosphere	37°C, 5%CO_2, môi trường ẩm.

Supplements

Bổ sung 10% huyết thanh bò phôi (FBS) vào môi trường nuôi cấy

Dissociation reagent	Accutase

Subculturing

Loại bỏ môi trường nuôi cấy cũ khỏi các tế bào bám dính và rửa chúng bằng PBS không chứa canxi và magiê. Đối với bình T25, sử dụng 3-5 ml PBS, và đối với bình T75, sử dụng 5-10 ml. Sau đó, phủ hoàn toàn các tế bào bằng Accutase, sử dụng 1-2 ml cho bình T25 và 2,5 ml cho bình T75. Để tế bào ủ ở nhiệt độ phòng trong 8-10 phút để tách chúng ra. Sau khi ủ, nhẹ nhàng trộn tế bào với 10 ml môi trường để tái phân tán chúng, sau đó ly tâm ở 300xg trong 3 phút. Loại bỏ dịch trên, tái phân tán tế bào trong môi trường tươi và chuyển chúng vào các bình mới đã chứa môi trường tươi.

Seeding density	3 x 10^4 tế bào/cm^2 sẽ tạo thành một lớp đơn liên tục trong vòng 4 ngày.
Fluid renewal	2 đến 3 lần mỗi tuần
Post-thaw recovery	Sau khi rã đông, cấy tế bào với mật độ 5 x 10^4 tế bào/cm^2 và để tế bào phục hồi sau quá trình đông lạnh và bám dính ít nhất 48 giờ.

Thawing and culturing

Confirm that the vial remains deeply frozen upon delivery, as cells are shipped on dry ice to maintain optimal temperatures during transit.
Upon receipt, either store the cryovial immediately at temperatures below -150°C to ensure the preservation of cellular integrity, or proceed to step 3 if immediate culturing is required.
For immediate culturing, swiftly thaw the vial by immersing it in a 37°C water bath with clean water and an antimicrobial agent, agitating gently for 40-60 seconds until a small ice clump remains.
Perform all subsequent steps under sterile conditions in a flow hood, disinfecting the cryovial with 70% ethanol before opening.
Carefully open the disinfected vial and transfer the cell suspension into a 15 ml centrifuge tube containing 8 ml of room-temperature culture medium, mixing gently.
Centrifuge the mixture at 300 x g for 3 minutes to separate the cells and carefully discard the supernatant containing residual freezing medium.
Gently resuspend the cell pellet in 10 ml of fresh culture medium. For adherent cells, divide the suspension between two T25 culture flasks; for suspension cultures, transfer all the medium into one T25 flask to promote effective cell interaction and growth.
Adhere to established subculture protocols for continued growth and maintenance of the cell line, ensuring reliable experimental outcomes.

QUALITY CONTROL AND CRYOPRESERVATION

Sterility

Sự nhiễm khuẩn Mycoplasma được loại trừ bằng cả các phương pháp xét nghiệm dựa trên PCR và các phương pháp phát hiện Mycoplasma dựa trên phát quang.
Để đảm bảo không có nhiễm khuẩn vi khuẩn, nấm hoặc men, các mẫu nuôi cấy tế bào được kiểm tra trực quan hàng ngày.

Freeze medium	Như một môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng môi trường tăng trưởng hoàn chỉnh (bao gồm FBS) + 10% DMSO để đảm bảo độ sống sau khi rã đông, hoặc CM-1 (mã sản phẩm Cytion 800100), bao gồm các chất bảo vệ thẩm thấu và chất ổn định chuyển hóa được tối ưu hóa để cải thiện quá trình phục hồi và giảm stress do đông lạnh gây ra.

Storage conditions

Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng −150 đến −196 °C. Việc bảo quản ở −80 °C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Shipping conditions

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng −78 °C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

DONOR

Donor age	63 năm
Ethnicity	Người da trắng

LEGAL AND SAFETY

Safety precautions

Khi lập kế hoạch lưu trữ ống cryovial trong nitơ lỏng để rã đông sau này, việc tuân thủ các biện pháp an toàn nghiêm ngặt là bắt buộc. Găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp là điều cần thiết, và việc sử dụng khẩu trang hoặc kính bảo hộ là bắt buộc trong quá trình chuyển mẫu đông lạnh vào hoặc ra khỏi bể nitơ lỏng. Điều này nhằm giảm thiểu nguy cơ chấn thương do nổ ống cryovial khi lấy ra, có thể dẫn đến việc văng ra các mảnh vỡ sắc nhọn.

Warranty

Tại Cytion, chúng tôi cam kết về chất lượng và khả năng sống của các sản phẩm của mình.
Chúng tôi đảm bảo rằng các tế bào của chúng tôi sẽ có khả năng sống tại thời điểm bắt đầu nuôi cấy trong
60 ngày kể từ khi vận chuyển từ cơ sở của chúng tôi.
Chúng tôi cam kết rằng tất cả các vật liệu tuân thủ các thông số kỹ thuật được mô tả trong
Giấy chứng nhận phân tích và/hoặc Tài liệu sản phẩm.
Để biết chi tiết đầy đủ, vui lòng tham khảo
<a href=""/Who-we-are/Warranty/"" hreflang=""x-default"">Tuyên bố Bảo hành.

Material Transfer Agreement required	Yes

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB